

# MỤC LỤC

## Nội dung

---

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4,199,762,181,134</b>	<b>4,303,376,822,799</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	1	<b>1,151,025,179,095</b>	<b>2,467,177,548,607</b>
1. Tiền	111		118,805,415,611	621,395,548,607
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,032,219,763,484	1,845,782,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1,908,783,065,351</b>	<b>700,100,705,600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4a	3,953,207,644	8,299,143
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(268,142,293)	(5,593,543)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4b	1,905,098,000,000	700,098,000,000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>965,665,669,402</b>	<b>768,190,237,623</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2	244,468,010,012	179,621,469,269
2. Trả trước cho người bán	132		121,062,783,132	48,574,973,685
3. Các khoản phải thu khác	136	5	603,470,419,999	543,211,380,882
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3,383,382,673)	(3,217,586,213)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	6	47,838,932	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	7	<b>94,935,620,376</b>	<b>333,740,449,970</b>
1. Hàng tồn kho	141		95,435,479,673	345,171,757,188
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(499,859,297)	(11,431,307,218)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>79,352,646,910</b>	<b>34,167,880,999</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3	41,251,824,067	19,009,034,891
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35,870,826,855	13,217,668,176
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		931,058,734	1,941,177,932
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1,298,937,254	-

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,571,543,259,773</b>	<b>3,291,873,093,099</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5,365,022,040</b>	<b>33,887,914,522</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	20,754,707,562
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		8,000,000,000	8,000,000,000
3. Phải thu dài hạn khác	216		5,365,022,040	13,133,206,960
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(8,000,000,000)	(8,000,000,000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>662,259,512,810</b>	<b>1,590,504,825,269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	<b>260,223,477,234</b>	<b>943,619,841,486</b>
- Nguyên giá	222		434,244,877,646	1,903,912,064,965
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(174,021,400,412)	(960,292,223,479)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	<b>402,036,035,576</b>	<b>646,884,983,783</b>
- Nguyên giá	228		439,243,824,854	778,091,532,845
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(37,207,789,278)	(131,206,549,062)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	10	-	<b>18,871,519,542</b>
- Nguyên giá	231		-	34,524,970,816
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	(15,653,451,274)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn (240 = 241 + 242)</b>	<b>240</b>	11	<b>86,912,543,211</b>	<b>22,878,158,403</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		86,912,543,211	22,878,158,403
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,694,196,555,887</b>	<b>1,480,145,599,984</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4c	1,689,829,555,887	1,471,505,599,984
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4d	4,367,000,000	8,640,000,000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>122,809,625,825</b>	<b>145,585,075,379</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3	83,336,327,401	109,761,473,819
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		38,903,298,424	35,823,601,560
3. Tài sản dài hạn khác	268		570,000,000	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	<b>280,626,594,565</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6,771,305,440,907</b>	<b>7,875,876,510,463</b>

## **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1,406,005,424,893</b>	<b>1,588,185,320,865</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)</b>	<b>310</b>		<b>1,349,689,658,337</b>	<b>1,535,881,366,903</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	178,467,100,250	278,038,773,915
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6,091,765,548	37,066,122,475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	856,155,092,598	50,654,459,117
4. Phải trả người lao động	314		28,326,662,544	72,187,442,899
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	107,303,087,182	309,731,144,714
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	31,477,392,794	186,263,372,486
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	116,390,507,109	553,318,491,711
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25,478,050,312	48,621,559,586
<b>II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)</b>	<b>330</b>		<b>56,315,766,556</b>	<b>52,303,953,962</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		15,835,222,456	13,263,005,860
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		36,500,000,000	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342		3,980,544,100	39,040,948,102
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5,365,300,016,014</b>	<b>6,287,691,189,598</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)</b>	<b>410</b>		<b>5,365,300,016,014</b>	<b>6,287,691,189,598</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,192,083,261,700	3,274,294,092,589
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,958,652,945,062)	(805,826,191,900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		51,162,916,267	51,162,916,267
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15,909,752,661	15,909,752,661
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,398,614,892,132	1,084,533,422,015
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		99,648,168,316	101,083,227,966
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 430)</b>	<b>440</b>		<b>6,771,305,440,907</b>	<b>7,875,876,510,463</b>

TP. HCM, Ngày tháng năm 2015

**Người lập**



**Trần Minh Nguyệt**

**Kế Toán Trưởng**



**Nguyễn Thị Oanh**

**Tổng Giám Đốc**



**Trần Lệ Nguyên**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý IV năm 2015**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	444,294,125,687	1,342,359,260,081	3,216,740,349,984	5,160,847,692,077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	2	1,879,305,293	25,203,496,155	82,636,473,448	174,645,069,200
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>442,414,820,394</b>	<b>1,317,155,763,926</b>	<b>3,134,103,876,536</b>	<b>4,986,202,622,877</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	3	304,609,232,484	789,718,515,914	1,945,855,312,526	2,832,192,883,638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137,805,587,910	527,437,248,012	1,188,248,564,010	2,154,009,739,239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	88,663,422,814	45,807,701,890	6,697,029,950,576	144,775,304,204
7. Chi phí tài chính	22	5	20,335,773,641	4,577,004,126	79,544,569,320	27,826,518,670
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		904,563,663	(755,169,775)	21,787,459,616	20,704,495,022
8. Chi phí bán hàng	24	8b	108,374,786,375	367,091,000,448	877,347,293,141	1,224,678,050,036
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8a	46,292,437,434	125,649,942,531	350,900,929,070	427,641,162,361
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51,466,013,274	75,927,002,797	6,577,485,723,055	618,639,312,376
11. Thu nhập khác	31	6	10,124,032,110	55,180,366,141	35,854,787,619	74,090,973,132
12. Chi phí khác	32	7	8,107,776,620	7,288,469,399	31,896,784,085	25,231,688,823
13. Lợi nhuận khác	40		2,016,255,490	47,891,896,742	3,958,003,534	48,859,284,309
14. (Lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	45		14,714,945,644	-	86,324,849,289	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68,197,214,408	123,818,899,539	6,667,768,575,878	667,498,596,685
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(57,107,762,343)	(29,163,554,303)	1,407,815,773,539	90,607,045,151
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		14,164,644,039	14,069,456,430	6,466,134,806	6,634,160,205
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		111,140,332,712	93,630,911,546	5,253,486,667,533	547,024,851,031
Phân bổ cho:						
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(15,441,962)	540,936,988	(194,527,323)	1,124,819,867
Cổ đông của công ty mẹ	62		111,155,774,674	93,089,974,558	5,253,681,194,856	545,900,031,164

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Ngày tháng năm 2015

Tổng Giám Đốc



Trần Lê Nguyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>6,667,768,575,878</b>	<b>662,958,462,227</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	2		156,283,836,740	228,177,812,126
- Các khoản dự phòng	3		(7,387,442,374)	(3,645,632,092)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		(152,328,059)	1,088,936,313
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(6,811,909,115,071)	(164,123,838,658)
- Chi phí lãi vay	6		21,787,459,616	20,731,742,626
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	-	<b>26,390,986,730</b>	<b>745,187,482,542</b>
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	9		(24,168,183,667)	256,736,002,655
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10		31,715,749,858	(27,541,874,716)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		52,797,205,817	223,307,678,845
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12		(81,860,276,747)	4,101,698,273
- (Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3,944,908,501)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(23,078,386,902)	(21,282,447,042)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(590,756,639,844)	(133,990,327,246)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2,141,984,214
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(20,800,557,950)	(26,596,945,646)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	-	<b>(633,705,011,206)</b>	<b>1,022,063,251,879</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(156,038,612,517)	(68,551,321,859)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11,217,982,618	34,756,383,243
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,935,000,000,000)	(286,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		730,000,000,000	321,700,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51,036,281,140)	(1,588,517,220,554)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7,302,781,338,837	13,803,141,557
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53,228,775,444	490,438,131,635
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	-	<b>5,955,153,203,242</b>	<b>(1,082,370,885,978)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1,820,236,643,412
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1,322,183,110,162)	(483,843,631,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,768,668,617,183	1,091,009,194,315
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2,149,097,360,340)	(1,479,176,474,561)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,935,141,036,289)	(379,025,917,488)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6,637,752,889,608)</b>	<b>569,199,814,678</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1,316,304,697,572)</b>	<b>508,892,180,579</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2,467,177,548,607</b>	<b>1,958,064,548,124</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		152,328,060	220,819,904
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>1,151,025,179,095</b>	<b>2,467,177,548,607</b>

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Ngày tháng năm 2015

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám Đốc



Trần Lê Nguyên



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

Quý IV năm 2015

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido (“KDC” hoặc “Công ty”), các công ty con, các công ty liên kết và một công ty liên doanh đồng kiểm soát như sau:

KDC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2002 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đây:

<u>GCNĐKKD điều chỉnh:</u>	<u>Ngày:</u>
Số 4103001184	
Điều chỉnh lần thứ nhất	26 tháng 11 năm 2002
Điều chỉnh lần thứ hai	22 tháng 9 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ ba	11 tháng 12 năm 2003
Điều chỉnh lần thứ tư	3 tháng 8 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ năm	7 tháng 10 năm 2004
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 5 năm 2005
Điều chỉnh lần thứ bảy	18 tháng 5 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ tám	6 tháng 7 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ chín	6 tháng 11 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ mười	10 tháng 10 năm 2008
Số 0302705302	
Điều chỉnh lần thứ mười một	21 tháng 1 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười hai	1 tháng 11 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười ba	26 tháng 03 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	02 tháng 03 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	23 tháng 11 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	21 tháng 3 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	2 tháng 4 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười tám	18 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần thứ mười chín	26 tháng 02 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi	06 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi một	28 tháng 09 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ hai mươi hai	01 tháng 10 năm 2015

KDC được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 39/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 11 năm 2005.

Hoạt động chính của KDC là chế biến nông sản thực phẩm; sản xuất kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; mua bán nông sản thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDC có trụ sở chính đăng ký tại số 138-142 Hai Bà Trưng, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
Cơ cấu tổ chức

**Các công ty con****• Công ty TNHH MTV KIDO (“KIDO”)**

KDC sở hữu 100% vốn cổ phần trong KIDO, một công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001557 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2003.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

KIDO có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Ấp Cây Sộp, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **• Công ty TNHH Tân An Phước (“TAP”)**

KDC sở hữu 80% vốn điều lệ trong TAP, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0309403269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính của TAP là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

TAP có trụ sở đăng ký tại số 6/134 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **• Công ty Thương mại và Hợp tác Quốc tế Hà Nội (“HTIC”)**

KDC sở hữu 75.73% vốn chủ sở hữu trong HTIC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0103000347 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2001. HTIC có trụ sở đăng ký tại số 534 – 536, Phố Bạch Mai, Phường Trưng Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **• Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KIDO (“KDT”)**

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDT, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313172800 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 3 năm 2015. KDT có trụ sở đăng ký tại Lầu 11, Tòa nhà Empress, số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **• Công ty TNHH Một Thành viên Thực Phẩm Kido (“KDF”)**

KDC sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của KDF, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu bởi KIDO được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0106681285 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 11 năm 2014 và theo các GCNĐKKD sửa đổi sau đó. KDF có trụ sở đăng ký tại Lầu 10, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **Công ty liên doanh đồng kiểm soát**

#### **• Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue (“Lavenue”)**

KDC sở hữu 50% vốn cổ phần trong Lavenue, một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐK KD số 0310306044 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Hoạt động chính của Lavenue là kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản.

Lavenue có trụ sở đăng ký tại Lầu 3, Tòa nhà May Flower, 12 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **• Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương (“KDBD”)**

KDC sở hữu 20% vốn chủ sở hữu trong KDBD, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4603000129 do SKHĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2004.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của KDBD là chế biến nông sản, thực phẩm; sản xuất bánh kẹo, nước tinh khiết và nước ép trái cây; kinh doanh nông sản, thực phẩm, công nghệ phẩm và vải sợi.

KDBD có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

## **2. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:** kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị nhiên vật liệu tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Lợi thế quyền thuê đất	55 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

#### **Kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn không giao dịch trên thị trường thì căn cứ vào số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của công ty phát hành các chứng khoán này tại thời điểm kết thúc năm tài chính cùng kỳ.

#### **Ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

#### **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### **Đầu tư vào liên doanh đồng kiểm soát**

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được cần trừ vào khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ một năm một phần hai tháng lương và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

#### **Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động tài chính.

#### **Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên Bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

*Đơn vị tính: VND*

<b>1. Tiền</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền mặt	71,928,487	9,362,694,558
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	118,733,487,124	610,501,854,049
- Tiền đang chuyển	-	1,531,000,000
- Tương đương tiền	1,032,219,763,484	1,845,782,000,000
<b>Cộng</b>	<b>1,151,025,179,095</b>	<b>2,467,177,548,607</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	13,237,762,029	8,990,032,941
- Các khoản phải thu khách hàng khác	231,230,247,982	170,631,436,328.00
<b>Cộng</b>	<b>244,468,010,011</b>	<b>179,621,469,269</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Công ty TNHH Tân An Phước	-	5,555,000
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	13,237,762,029	8,990,032,941
- Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")	4,648,974	-
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	8,222,363	
<b>Cộng</b>	<b>13,250,633,366</b>	<b>8,995,587,941</b>
<b>3. Chi phí trả trước:</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5,265,510,168	5,596,492,134
- Các khoản khác	35,986,313,899	13,412,542,757
<b>Cộng</b>	<b>41,251,824,067</b>	<b>19,009,034,891</b>
<b>b) Dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền thuê đất	8,537,299,842	60,994,973,604
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20,900,060,741	6,556,784,963
- Khác	53,898,966,818	42,209,715,252
<b>Cộng</b>	<b>83,336,327,401</b>	<b>109,761,473,819</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****4. Các khoản đầu tư tài chính**

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>						
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu:</b>						
Công ty Cổ phần Hóa An	140,772	26,400	(114,372)	140,772	26,400	(114,372)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	89,634	75,499	(14,135)	89,634	75,499	(14,135)
Ngân hàng Á Châu	3,837,667	1,082,900	(2,754,767)	3,837,667	1,082,900	(2,754,767)
Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	3,478,263	1,202,000	(2,276,263)	3,478,263	1,296,600	(2,446,812)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	309,177	170,300	(138,877)	309,177	180,000	(129,177)
Công ty Cổ phần Vincom	53,350	906,300	-	53,350	906,300	-
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	390,279	246,400	(143,879)	390,279	256,000	(134,279)
Cty CP Chứng Khoán TP. HCM	1,802,700,000	1,802,700,000	(262,700,000)	-	-	-
Cty CP Tập Đoàn Hoa Sen	396,594,000	396,594,000	-	-	-	-
Cty CP Tập Đoàn Hoà Phát	1,745,614,500	1,745,614,500	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3,953,207,643</b>	<b>3,948,618,299</b>	<b>(268,142,294)</b>	<b>8,299,143</b>	<b>3,823,699</b>	<b>(5,593,543)</b>
<b>- Tổng giá trị trái phiếu:</b>						
Công ty Cổ phần Cơ Điện lạnh	98,000,000	98,000,000	-	98,000,000	98,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>98,000,000</b>	<b>98,000,000</b>	<b>-</b>	<b>98,000,000</b>	<b>98,000,000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn****Ngắn hạn**

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền gửi có kỳ hạn	1,905,098,000,000	700,000,000,000

	<u>Cuối kỳ</u>			<u>Đầu năm</u>		
c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Lavenue	50	1,041,034,233,887	1,041,034,233,887	-	1,050,000,000,000	1,050,000,000,000
- Tổng C.ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	24	433,746,051,926	433,746,051,926	-	421,505,599,984	421,505,599,984
- Công Ty CP Kinh Đô Bình Dương	20	214,848,289,206	214,848,289,206	-	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1,689,628,575,019</b>	<b>1,689,628,575,019</b>	<b>-</b>	<b>1,471,505,599,984</b>	<b>1,471,505,599,984</b>

**d) Đầu tư vào đơn vị khác;**

- Công ty Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	4,367,000,000	4,367,000,000	8,640,000,000	8,640,000,000
--	---------------	---------------	---------------	---------------

**5. Phải thu khác**

	<u>cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>* Ngắn hạn</b>				
- Phải thu người lao động;	339,417,139	-	1,696,663,822	-
- Ký cược, ký quỹ;	484,421,103	-	-	-
- Các khoản chi hộ;	3,268,718,089	-	297,866,616	-
- Tạm ứng đầu tư Vocarimex	518,786,854,557	-	467,750,573,417	-
- Phải thu khác.	80,591,009,111	-	73,466,277,027	-
<b>Cộng</b>	<b>603,470,419,999</b>	<b>-</b>	<b>543,211,380,882</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****6. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)**

b) Hàng tồn kho;

**7. Hàng tồn kho:**

- Hàng đang đi trên đường;

- Nguyên liệu, vật liệu;

- Công cụ, dụng cụ;

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

- Thành phẩm;

- Hàng hóa;

- Hàng gửi bán;

**Cộng**

<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
-	24,728,608	-	-
<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
2,138,167,962	-	34,323,130,980	-
42,310,208,469	-	175,805,481,378	(11,153,467,577)
20,524,083,515	-	39,735,280,095	-
-	-	2,811,330,580	-
28,065,993,519	-	56,019,569,167	(21,203,161)
2,397,026,208	(27,491,626)	28,555,132,992	(256,636,480)
-	-	7,921,831,996	-
<b>95,435,479,673</b>	<b>(27,491,626)</b>	<b>345,171,757,188</b>	<b>(11,431,307,218)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>412,544,285,669</b>	<b>1,277,638,485,564</b>	<b>137,689,356,205</b>	<b>76,039,937,527</b>	<b>1,903,912,064,965</b>
- Mua trong năm	-	17,656,396,803	22,554,862,818	8,530,031,552	48,741,291,173
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	7,251,181,962	13,200,585,550	5,452,665,907	319,009,086	26,223,442,505
- Tăng khác	101,222,680	-	49,993,000	-	151,215,680
- Thanh lý, nhượng bán	(4,813,960,617)	(1,828,425,186)	(13,715,690,544)	(2,856,839,004)	(23,214,915,351)
- Giảm khác	(336,110,836,060)	(1,065,783,919,243)	(55,610,398,337)	(64,063,067,686)	(1,521,568,221,326)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>78,971,893,634</b>	<b>240,883,123,488</b>	<b>96,420,789,049</b>	<b>17,969,071,475</b>	<b>434,244,877,646</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(139,160,046,993)</b>	<b>(699,406,128,913)</b>	<b>(72,160,757,289)</b>	<b>(49,565,290,284)</b>	<b>(960,292,223,479)</b>
- Khấu hao trong năm	(4,055,451,148)	(20,838,523,884)	(10,429,672,721)	(2,226,491,496)	(37,550,139,249)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	2,639,725,698	974,040,491	9,217,418,811	847,163,449	13,678,348,449
- Giảm khác	118,876,051,606	613,522,289,600	35,762,141,959	41,982,130,702	810,142,613,867
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(21,699,720,837)</b>	<b>(105,748,322,706)</b>	<b>(37,610,869,240)</b>	<b>(8,962,487,629)</b>	<b>(174,021,400,412)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	<b>273,384,238,676</b>	<b>578,232,356,651</b>	<b>65,528,598,916</b>	<b>26,474,647,243</b>	<b>943,619,841,486</b>
- Tại ngày cuối kỳ	<b>57,272,172,797</b>	<b>135,134,800,782</b>	<b>58,809,919,809</b>	<b>9,006,583,846</b>	<b>260,223,477,234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Thương hiệu	TSCĐ vô hình khác	Lợi thế quyền thuê đất	Mối quan hệ với khách hàng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu năm	351,278,278,770	75,338,149,382	16,591,966,348	2,000,000,000	55,268,061,157	277,615,077,188	778,091,532,845
- Mua trong năm	-	7,165,855,902	-	-	-	-	7,165,855,902
- Thanh lý, nhượng bán	-	(457,000,000)	-	-	-	-	(457,000,000)
- Giảm khác	(1,278,278,770)	(36,667,580,480)	-	-	(55,268,061,157)	(255,027,286,414)	(348,241,206,821)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>350,000,000,000</b>	<b>45,379,424,804</b>	<b>16,591,966,348</b>	<b>2,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>22,587,790,774</b>	<b>436,559,181,926</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu năm	(1,088,867,175)	(41,219,858,701)	(6,636,786,540)	(2,000,000,000)	(10,857,267,350)	(69,403,769,296)	(131,206,549,062)
- Khấu hao trong năm	-	(5,143,315,529)	(1,659,196,635)	-	(769,498,539)	(9,381,339,624)	(16,953,350,326)
- Thanh lý, nhượng bán	-	50,777,778	-	-	-	-	50,777,778
- Giảm khác	1,088,867,175	29,143,917,892	-	-	11,626,765,889	71,726,424,305	113,585,975,260
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(17,168,478,560)</b>	<b>(8,295,983,175)</b>	<b>(2,000,000,000)</b>	<b>-</b>	<b>(7,058,684,615)</b>	<b>(34,523,146,350)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
- Tại ngày đầu năm	350,189,411,595	34,118,290,681	9,955,179,808	-	44,410,793,807	208,211,307,892	646,884,983,783
- Tại ngày cuối kỳ	350,000,000,000	28,210,946,244	8,295,983,173	-	-	15,529,106,159	402,036,035,576

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Số	Tăng	Giảm	Số
	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối kỳ
<b>a) Bất động sản đầu tư cho thuê</b>	-	-	-	-
<b>Nguyên giá</b>	34,524,970,816	-	(34,524,970,816)	-
- Cơ sở hạ tầng	34,524,970,816	-	(34,524,970,816)	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>(15,653,451,274)</b>	<b>(1,286,694,514)</b>	<b>16,940,145,788</b>	-
- Cơ sở hạ tầng	(15,653,451,274)	(1,286,694,514)	16,940,145,788	-
<b>Giá trị còn lại</b>	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	<b>18,871,519,542</b>	<b>(1,286,694,514)</b>	<b>(17,584,825,028)</b>	-

**11. Tài sản dở dang dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
- Phí triển khai phần mềm	-	7,974,438,730
- XD CB;	86,912,543,211	9,073,416,172
- Mua sắm	-	5,830,303,501
<b>Cộng</b>	<b>86,912,543,211</b>	<b>22,878,158,403</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**12. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	11,627,814,504	11,627,814,504	-	-
- Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương	2,328,399	2,328,399	-	-
- Công ty TNHH Vsip Bắc Ninh	31,703,385,000	31,703,385,000	-	-
- Công ty TNHH Truyền Thông WPP	42,143,562,686	42,143,562,686	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	92,990,009,661	92,990,009,661	278,038,773,915	278,038,773,915
<b>Cộng</b>	<b>178,467,100,250</b>	<b>178,467,100,250</b>	<b>278,038,773,915</b>	<b>278,038,773,915</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				
- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	90,721,430	90,721,430	803,412,007	803,412,007
- Tổng công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	11,627,814,504	11,627,814,504	-	-
- Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương	2,328,399	2,328,399	-	-
- Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	5,177,066,842	5,177,066,842	-	-
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	8,923,171,195	8,923,171,195	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Cuối kỳ</b>
<b>a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)</b>				
- Thuế GTGT	9,517,587,240	120,825,180,064	121,159,573,310	9,183,193,994
- Thuế TNDN	32,596,893,838	1,369,986,211,729	565,012,960,410	837,570,145,157
- Thu TNCN	3,082,463,266	10,347,252,505	9,097,767,384	4,331,948,387
- Thuế khác	5,457,514,773	2,586,693,059	2,974,402,772	5,069,805,060
<b>Cộng</b>	<b>50,654,459,117</b>	<b>1,503,745,337,357</b>	<b>698,244,703,876</b>	<b>856,155,092,598</b>
<b>b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)</b>				
- Thuế TNDN	1,713,569,134	1,713,569,134	-	-
- Thuế khác	227,608,798	10,314,106,534	10,270,505,863	931,058,734
<b>Cộng</b>	<b>1,941,177,932</b>	<b>12,027,675,668</b>	<b>10,270,505,863</b>	<b>931,058,734</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

<b>14. Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí lương T13	6,498,302,452	56,109,633,177
- Chi phí tiếp thị, quảng cáo	32,177,938,337	148,046,257,305
- Chi phí hoa hồng	16,605,626,459	21,898,027,385
- Chi phí vận chuyển	759,827,047	22,207,185,365
- Chi phí khác	50,564,244,349	45,574,528,801
- Chi phí dịch vụ tiện ích phải trả	697,148,538	9,774,809,785
- Chi phí bán quyền	-	6,120,702,896
<b>Cộng</b>	<b># 107,303,087,182</b>	<b>309,731,144,714</b>

<b>15. Phải trả khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết;	12,338,407	-
- Kinh phí công đoàn;	1,256,170,984	1,796,409,019
- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội;	1,081,314,607	832,514,740
- Bảo hiểm thất nghiệp;	21,640,236	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;	26,441,173	2,072,218,796
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	5,516,049,750	2,181,123,780
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	23,563,437,637	179,381,106,151
<b>Cộng</b>	<b>31,477,392,794</b>	<b>186,263,372,486</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VNĐ

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam- CN- HCM	10,588,647,960	10,588,647,960	1,010,512,150,021	1,089,593,781,158	89,670,279,097	89,670,279,097
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	4,491,727,680	4,491,727,680	220,032,750,149	378,743,180,567	163,202,158,098	163,202,158,098
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon	-	-	86,692,000,000	192,922,000,000	106,230,000,000	106,230,000,000
Ngân hàng United Oversea bank	-	-	77,619,306,427	142,913,812,918	65,294,506,491	65,294,506,491
Ngân hàng Standard Chartered	-	-	35,665,281,056	35,665,281,056	-	-
Ngân hàng Vietinbank	-	-	-	100,000,000,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Ngân hàng Quân Đội	62,635,169,033	62,635,169,033	77,001,832,722	41,628,936,514	27,262,272,825	27,262,272,825
Ngân hàng Chinatrust	-	-	8,287,105,400	9,946,380,600	1,659,275,200	1,659,275,200
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	38,674,962,436		38,674,962,436	-		
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Ngaân hàng Chinatrust	36,500,000,000	36,500,000,000	36,500,000,000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>152,890,507,109</b>	<b>114,215,544,673</b>	<b>1,590,985,388,211</b>	<b>1,991,413,372,813</b>	<b>553,318,491,711</b>	<b>553,318,491,711</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

**17. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
A	1	2	4	7	8	9	10
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1,676,282,700,000</b>	<b>2,344,308,719,177</b>	<b>15,909,752,661</b>	<b>946,606,704,726</b>	<b>(152,626,203,900)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>4,881,644,588,931</b>
- Tăng vốn trong năm trước	890,251,270,000	929,985,373,412	-	-	-	-	1,820,236,643,412
- Lãi trong năm trước	-	-	-	536,445,639,109	-	-	536,445,639,109
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(653,199,988,000)	-	(653,199,988,000)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(378,772,028,000)	-	-	(378,772,028,000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	(14,817,893,820)	-	-	(14,817,893,820)
- Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(4,928,000,000)	-	-	(4,928,000,000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2,566,533,970,000</b>	<b>3,274,294,092,589</b>	<b>15,909,752,661</b>	<b>1,084,534,422,015</b>	<b>(805,826,191,900)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>6,186,608,961,632</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	5,268,672,651,804	-	-	5,268,672,651,804
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(1,152,826,753,162)	-	(1,152,826,753,162)
- Tăng khác	-	-	-	938,921,222	-	-	938,921,222
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(4,938,383,961,000)	-	-	(4,938,383,961,000)
- Trích lập quỹ	-	-	-	(6,285,141,912)	-	-	(6,285,141,912)
- Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	(10,862,000,000)	-	-	(10,862,000,000)
- Giảm khác	-	(82,210,830,889)	-	-	-	-	(82,210,830,889)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,566,533,970,000</b>	<b>3,192,083,261,700</b>	<b>15,909,752,661</b>	<b>1,398,614,892,129</b>	<b>(1,958,652,945,062)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>5,265,651,847,695</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**a) Doanh thu**

- Doanh thu bán hàng;

**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
444,294,125,687	1,342,359,260,081
<b>444,294,125,687</b>	<b>1,342,359,260,081</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).**

- Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")

- Công ty cổ phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn

25,257,197	-
4,123,656	9,211,962,451

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

**Trong đó:**

- Chiết khấu thương mại;

- Giảm giá hàng bán;

- Hàng bán bị trả lại.

**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
822,040,527	12,840,110,444
27,341,023	
1,029,923,743	12,363,385,711
<b>1,879,305,293</b>	<b>25,203,496,155</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán;

- Giá vốn của thành phẩm đã bán;

**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
203,400,777,620	152,015,589,621
101,208,454,864	637,702,926,293
<b>304,609,232,484</b>	<b>789,718,515,914</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi bán các khoản đầu tư;

- Cổ tức, lợi nhuận được chia;

- Lãi chênh lệch tỷ giá;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
42,653,839,773	43,731,690,303
45,618,931,789	
62,851,998	495,474,683
299,754,562	1,580,536,904
28,044,692	-
<b>88,663,422,814</b>	<b>45,807,701,890</b>

**5. Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay;

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;

- Chi phí tài chính khác;

**Cộng**

<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
904,563,663	(756,765,292)
5,041,202,689	4,756,170,047
2,375,500	4,422,976
14,387,631,789	573,176,395
<b>20,335,773,641</b>	<b>4,577,004,126</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
 138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	5,741,694,629	30,338,293,171
- Lãi do đánh giá lại tài sản;	-	
- Tiền phạt thu được;	-	
- Thuế được giảm;	-	
- Các khoản khác.	4,382,337,481	24,842,072,970
<b>Cộng</b>	<b><u><u>10,124,032,110</u></u></b>	<b><u><u>55,180,366,141</u></u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	4,595,168,004	1,857,781,316
- Các khoản khác.	3,512,608,616	5,430,688,083
<b>Cộng</b>	<b><u><u>8,107,776,620</u></u></b>	<b><u><u>7,288,469,399</u></u></b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;		
- Chi phí nhân công	24,934,307,292	84,458,388,482
- Khấu hao TSCĐ	6,157,228,840	15,855,988,468
- Chi phí công cụ dụng cụ	1,445,161,975	4,895,104,968
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62,496,502,480	216,690,416,076
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	13,341,585,788	45,191,102,454
<b>Cộng</b>	<b><u><u>108,374,786,375</u></u></b>	<b><u><u>367,091,000,448</u></u></b>
	-	

**b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng;		
- Chi phí nhân công	19,836,713,308	43,842,096,578
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11,266,692,356	40,580,788,689
- Chi phí khấu hao	3,934,663,004	10,679,718,065
- Chi phí công cụ dụng cụ	781,322,546	2,120,716,438
- Các khoản chi phí quản lý khác.	10,473,046,220	28,426,622,762
<b>Cộng</b>	<b><u><u>46,292,437,434</u></u></b>	<b><u><u>125,649,942,531</u></u></b>
	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THÔNG TIN BỘ PHẬN****Doanh thu bộ phận**

Hoạt động chính của Tập đoàn là chế biến nông sản, thực phẩm, nước tinh khiết và các sản phẩm từ sữa. Tập đoàn xem các hoạt động này là một bộ phận kinh doanh. Tuy nhiên, Tập đoàn quản lý hoạt động kinh doanh theo khu vực địa lý dựa trên đặc điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn bao gồm miền Nam và miền Bắc Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

	<i>Khu vực miền Nam</i>	<i>Khu vực miền Bắc</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<b>Doanh thu bộ phận</b>			
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1,989,091,741,173	1,227,648,608,811	3,216,740,349,984
Các khoản giảm trừ doanh thu	(48,512,097,676)	(34,124,375,772)	(82,636,473,448)
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	525,558,785,400	3,395,421,772	528,954,207,172
	<b>2,466,138,428,897</b>	<b>1,196,919,654,811</b>	<b>3,663,058,083,708</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận			(528,954,207,172)
Doanh thu trong năm			3,134,103,876,536
<b>Lợi nhuận bộ phận</b>	<b>6,513,869,855,129</b>	<b>94,337,647,064</b>	<b>6,608,207,502,193</b>
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			101,957,623,872
Chi phí lãi vay			(21,787,459,616)
Chi phí khấu trừ lợi thế thương mại			(20,609,090,571)
			-
Lợi nhuận kế toán trước thuế			6,667,768,575,878
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>			
Khấu hao và khấu trừ	148,599,507,771	7,684,328,969	156,283,836,740
Dự phòng phải thu khó đòi	(3,199,569,673)	(183,813,000)	(3,383,382,673)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,644,231)	(495,215,066)	(499,859,297)
			-
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
<b>Tài sản bộ phận</b>	<b>6,539,163,905,285</b>	<b>232,141,535,622</b>	<b>6,771,305,440,907</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>1,383,740,320,551</b>	<b>22,265,104,342</b>	<b>1,406,005,424,893</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Nghiệp vụ với các bên có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn. với các công ty có liên quan trong kỳ được

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>Quý 4/2015</i>
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương("KDBD")	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	166,786,000
		Bán thành phẩm, hàng hóa	25,257,197
		Lãi cho vay	614,166,667
		Trả hộ phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	2,411,371,893
		Thu nợ vay	30,000,000,000
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	76,253,249,572
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	12,680,203

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>Quý 4/2015</i>	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn ("KDSG") Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương("KDBD") - Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên quan	Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	13,237,762,029	
		Công ty liên kết	Bán thành phẩm	4,648,974
			Bán thành phẩm	8,222,363
			<b>13,250,633,366</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ Phần Kinh Đô Bình Dương ("KDBD")	Công ty liên kết	Cổ tức	-	
		Chi hộ	2,728,480,473	
			<b>2,728,480,473</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	11,627,814,504	
Công ty Cổ phần Kinh Đô Bình Dương("KDBD")	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	2,328,399	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138-142 Hai Bà Trưng, P. ĐaKao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

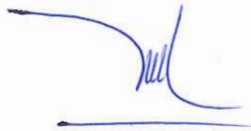
Công ty Cổ phần Thực phẩm Kinh Đô Sài Gòn	Công ty liên quan	Mua thành phẩm	90,721,430
- Công ty TNHH MTV Kinh Đô Miền Bắc	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	5,177,066,842
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	8,923,171,195
			<u><u>25,821,102,370</u></u>

**Phải trả ngắn hạn khác**

KDBD	Công ty liên kết	Chi hộ	982,441,368
Công ty TNHH Đầu tư Kido	Công ty liên quan	Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu	3,081,651,684
			<u><u>4,064,093,052</u></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Người lập



Trần Minh Nguyệt

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Oanh

Tổng Giám đốc



Trần Lệ Nguyên